

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Hải Phòng, tháng 02 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2016)
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/12/2016)
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2017

Số: 28/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/02/2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1117-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG

Ngày 06 tháng 02 năm 2017

TP. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam.

Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1148-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.753.561.852.568	1.703.846.776.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	509.293.273.804	1.043.069.462.202
1. Tiền	111		8.001.273.804	67.411.912.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		501.292.000.000	975.657.549.933
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		858.803.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	858.803.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.211.998.612	189.082.802.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		12.609.076.332	19.629.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	21.757.460.000	159.789.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.845.462.280	9.663.898.208
IV. Hàng tồn kho	140	8	320.853.735.874	468.483.639.941
1. Hàng tồn kho	141		320.853.735.874	469.800.103.758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.399.844.278	3.210.871.735
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.465.017.382	3.210.871.735
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.934.826.896	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.255.943.291.952	1.061.001.447.514
I. Tài sản cố định	220	9	6.193.264.098	7.055.162.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221		6.193.264.098	7.055.162.263
- Nguyên giá	222		8.307.479.215	8.101.880.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.114.215.117)	(1.046.718.537)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.079.090.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.079.090.909	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.247.652.152.163	1.053.888.652.384
1. Đầu tư vào công ty con	251		463.692.595.606	478.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		786.322.400.000	578.322.400.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.362.843.443)	(3.383.747.616)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		18.784.782	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.784.782	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.009.505.144.520	2.764.848.224.281

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			4	5
I	2	3		
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.397.812.366	149.578.981.975
I. Nợ ngắn hạn	310		73.397.812.366	149.578.981.975
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.913.468.600	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	16.176.889.746	17.724.239.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		303.915.661	374.842.534
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	47.087.221.100	47.246.460.550
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		408.013.977	811.736.389
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.508.303.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.936.107.332.154	2.615.269.242.306
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	2.936.107.332.154	2.615.269.242.306
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.270.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.905.369.675	140.260.035.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.723.685.729	25.449.803.773
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.181.683.946	114.810.231.956
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.009.505.144.520	2.764.848.224.281



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Yã Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	907.200.407.575	1.803.858.644.342		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		907.200.407.575	1.803.858.644.342		
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	822.525.182.035	1.531.245.612.621		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		84.675.225.540	272.613.031.721		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	77.913.032.324	82.061.155.915		
7. Chi phí tài chính	22	18	1.530.993.901	15.120.370.969		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.500.000	7.167.302.382		
8. Chi phí bán hàng	25		5.949.481.410	(6.063.995.804)		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.723.485.967	8.166.218.852		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		151.384.296.586	337.451.593.619		
11. Thu nhập khác	31		20.668.252.611	5.646.403.552		
12. Chi phí khác	32		917.239.694	1.098.979.842		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	19	19.751.012.917	4.547.423.710		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		171.135.309.503	341.999.017.329		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	15.056.685.117	5.198.088.373		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		156.078.624.386	336.800.928.956		


Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2017


Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng




Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>171.135.309.503</i>	<i>341.999.017.329</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.067.496.580	812.684.128
Các khoản dự phòng	03	(2.337.367.990)	2.790.919.824
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.995.502	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(77.913.032.324)	(81.120.062.410)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	7.167.302.382
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>92.463.901.271</i>	<i>271.649.861.253</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	142.518.605.945	(129.517.499.001)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	148.946.367.884	(254.461.156.990)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.409.664.932)	(619.547.671.402)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	38.848.085	(25.553.608)
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(7.167.302.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.056.685.117)	(4.808.466.695)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(261.085.952)	(581.781.457)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>366.752.787.184</i>	<i>(744.459.570.282)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.079.090.909)	(3.596.629.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.679.578.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	820.775.000.000	448.550.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(364.895.052.614)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.333.662.507	72.242.114.161
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(990.548.428.402)</i>	<i>153.357.163.910</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	1.220.951.127.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	883.097.031.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(808.097.031.980)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(107.896.940.440)	(168.359.798.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>90.020.551.414</i>	<i>1.127.591.329.000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(533.775.089.804)	536.488.922.628
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.043.069.462.202	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.098.594)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	509.293.273.804	1.043.069.462.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39 người (tại ngày 01/01/2016 là 40 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang: là công ty con của Công ty;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá linh kiện chậm luân chuyển của Công ty không giảm giá đáng kể, do đó không áp dụng chính sách trích lập dự phòng, nếu Công ty áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như các năm trước thì chi phí giá vốn hàng bán bị ảnh hưởng tăng khoảng 02 tỷ đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và được tính bằng 0,045%/doanh thu.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	502.773.504	190.825.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.498.500.300	67.221.087.190
Các khoản tương đương tiền (*)	501.292.000.000	975.657.549.933
Cộng	509.293.273.804	1.043.069.462.202

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	858.803.000.000	858.803.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	858.803.000.000	858.803.000.000	-	-
Cộng	858.803.000.000	858.803.000.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp
theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463.692.595.606	-	463.692.595.606	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786.322.400.000	2.362.843.443	783.959.556.557	3.383.747.616
Cộng	1.250.014.995.606	2.362.843.443	1.247.652.152.163	3.383.747.616
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
			478.950.000.000	478.950.000.000
			578.322.400.000	574.938.652.384
			1.057.272.400.000	1.053.888.652.384

(1) *Đầu tư công ty con*

Thông tin chi tiết về Công ty con – Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78



6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	28.800.000	288.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	262.522.400.000	-	262.522.400.000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13.580.000	135.800.000.000	13.580.000	135.800.000.000
Cộng	52.380.000	786.322.400.000	31.580.000	578.322.400.000

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy tại Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd	916.000,00	20.848.160.000	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	-	-	9.279.825.250
Các đối tượng khác	-	909.300.000	-	525.000.000
Cộng		21.757.460.000		159.789.484.589

Số dư với bên liên quan
(Mời xem thuyết minh số 26)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.414.197.135	-	57.158.862.779	-
Chi phí SXKD DD	4.725.670.981	-	-	-
Thành phẩm	16.894.042.147	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	51.559.438.205	-	115.880.778.299	1.316.463.817
Hàng gửi bán	154.260.387.406	-	256.163.356.262	-
Cộng	320.853.735.874	-	469.800.103.758	1.316.463.817

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	7.758.664.002	343.216.798	8.101.880.800
Tăng trong năm	205.598.415	-	205.598.415
Số dư cuối năm	7.964.262.417	343.216.798	8.307.479.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	803.414.816	243.303.721	1.046.718.537
Khấu hao trong năm	1.048.896.580	18.600.000	1.067.496.580
Số dư cuối năm	1.852.311.396	261.903.721	2.114.215.117
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	6.955.249.186	99.913.077	7.055.162.263
Tại ngày cuối năm	6.111.951.021	81.313.077	6.193.264.098

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	16.176.889.746	17.724.239.220
Các đại lý	16.076.889.746	17.143.589.220
Khách hàng lẻ	100.000.000	580.650.000
Cộng	16.176.889.746	17.724.239.220

11. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.087.221.100	47.246.460.550
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả khác	13.201.100	172.440.550
Cộng	47.087.221.100	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	573.642.410.000	14.116.236.000	-	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	336.800.928.956	336.800.928.956
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(2.000.000)	(581.781.457)
Số đầu năm nay	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	140.260.035.729	2.615.269.242.306
Tăng vốn trong năm (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
(Tăng) cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	156.078.624.386	156.078.624.386
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
Số cuối năm nay	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	71.905.369.675	2.936.107.332.154

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 4% tương đương với 107.896.940.440 đồng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 24/10/2016.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 10/11/2016 như sau:

	Vốn cổ phần cuối năm		Vốn cổ phần đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1.004.893.340.000	36,58	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	48.000.000.000	1,75	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	0	-	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	0	-	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.694.547.290.000	61,67	1.331.278.690.000	57,12
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.330.904.280.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	416.536.350.000	1.757.261.870.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	224.433.290.440	343.508.762.034

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	233.090.428
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	269.744.063	233.090.428

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	2.989,30	1.583,07

14. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	432.367.520.752	121.938.977.767	352.893.909.056	907.200.407.575
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	431.864.840.425	121.938.977.767	352.893.909.056	906.697.727.248
- Doanh thu khác	502.680.327	-	-	502.680.327
2. Giá vốn	377.011.110.704	112.566.406.566	332.947.664.765	822.525.182.035
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	376.257.644.901	112.566.406.566	332.947.664.765	821.771.716.232
- Giá vốn hoạt động khác	753.465.803	-	-	753.465.803
3. Lợi nhuận gộp	55.356.410.048	9.372.571.201	19.946.244.291	84.675.225.540
- Bán hàng hóa, thành phẩm khác	55.607.195.524	9.372.571.201	19.946.244.291	84.926.011.016
- Hoạt động khác	(250.785.476)	-	-	(250.785.476)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	906.697.727.248	1.803.325.541.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	502.680.327	533.103.275
Cộng	907.200.407.575	1.803.858.644.342

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	822.806.683.501	1.530.583.432.065
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	1.034.962.351	153.008.348
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.316.463.817)	509.172.208
Cộng	822.525.182.035	1.531.245.612.621

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi	54.615.172.975	23.627.674.422
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.058.595.606	57.474.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.263.743	959.481.493
Cộng	77.913.032.324	82.061.155.915

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền vay	487.500.000	7.167.302.382
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.064.398.074	5.671.320.971
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	(1.020.904.173)	2.281.747.616
Cộng	1.530.993.901	15.120.370.969

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	20.668.252.611	5.646.403.552
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	1.056.731.818
Thường doanh số	20.498.250.822	-
Các khoản khác.	170.001.789	4.589.671.734
Chi phí khác	917.239.694	1.098.979.842
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	1.038.343.830
Các khoản khác.	917.239.694	60.636.012
Lợi nhuận khác	19.751.012.917	4.547.423.710

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i>		
Lợi nhuận trước thuế	171.135.309.503	341.999.017.329
Hoạt động chính	74.731.432.178	260.897.342.907
Hoạt động khác	96.403.877.325	81.101.674.422
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(22.037.691.433)	(57.474.000.000)
Hoạt động chính	1.349.043.293	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.349.043.293	-
Hoạt động khác	(21.120.451.739)	(57.474.000.000)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(22.037.691.433)	(57.474.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	917.239.694	-
Thu nhập chịu thuế	150.932.097.458	284.525.017.329
Hoạt động chính	75.648.671.872	260.897.342.907
Hoạt động khác	75.283.425.586	23.627.674.422
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.186.419.491	62.595.503.812
Hoạt động chính	15.129.734.374	57.397.415.440
Hoạt động khác	15.056.685.117	5.198.088.373
Miễn thuế theo ưu đãi (*)	(15.129.734.374)	(57.397.415.440)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	15.056.685.117	5.198.088.373

(*) Công ty áp dụng miễn thuế cho hoạt động kinh doanh chính theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	822.525.182.035	1.531.245.612.621
Chi phí nhân công	3.987.040.100	3.148.020.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.067.496.580	812.684.128
Chi phí xúc tiến bán hàng	2.133.595.725	(8.533.561.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	2.484.834.972	6.675.079.920
Cộng	832.198.149.412	1.533.347.835.669

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.293.273.804	1.043.069.462.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.454.538.612	29.293.318.300
Đầu tư tài chính ngắn hạn	858.803.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.247.652.152.163	1.053.888.652.384
Cộng	2.643.202.964.579	2.126.251.432.886
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	47.246.460.550
Công nợ tài chính khác	408.013.977	811.736.389
Cộng	50.408.703.677	123.058.196.939

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.293.273.804	-	509.293.273.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.454.538.612	-	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	858.803.000.000	-	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.247.652.152.163	1.247.652.152.163
Cộng	1.395.550.812.416	1.247.652.152.163	2.643.202.964.579
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	408.013.977	-	408.013.977
Cộng	50.408.703.677	-	50.408.703.677
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.345.142.108.739	1.247.652.152.163	2.592.794.260.902
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.043.069.462.202	-	1.043.069.462.202
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.293.318.300	-	29.293.318.300
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.053.888.652.384	1.053.888.652.384
Cộng	1.072.362.780.502	1.053.888.652.384	2.126.251.432.886
Số đầu năm			
Các khoản vay	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	47.246.460.550	-	47.246.460.550
Công nợ tài chính khác	811.736.389	-	811.736.389
Cộng	123.058.196.939	-	123.058.196.939
Chênh lệch thanh khoản thuần	949.304.583.563	1.053.888.652.384	2.003.193.235.947

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 14.836.774.211 đồng (năm trước: 8.859.560.261 đồng) là khoản tiền lãi tiền gửi chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH PRUKSA VIỆT NAM

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời cuối năm 2016, dự án đã bàn giao được 76% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng.

25. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	34.659.900.000	90.731.309.183
Chi hộ khác	-	892.392.000
Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	38.316.000.000	57.474.000.000
Cho vay vốn lưu động	-	23.500.000.000
Lãi tiền vay	-	4.916.667
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	22.707.500.000
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.662.000.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		
Giá trị công trình thi công bàn giao	-	20.826.854.379
Chi phí khác	762.519.765	-

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Ứng trước tiền hàng	-	9.279.825.250
Phải trả thương mại	1.486.000.000	-
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam		
Phải trả khác	47.074.020.000	47.074.020.000
<i>Các khoản lương, thưởng</i>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	430.235.400	402.620.000


27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán


28. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN NĂM 2016 SO VỚI NĂM 2015

Năm 2016, phân khúc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô-tô có sự bão hoà. Nguyên nhân chính là do chính sách kiểm soát tải trọng xe đã đi vào ổn định và không còn hiện tượng tăng trưởng nhu cầu đột biến như giai đoạn 2014 - 2015. Doanh thu thuần năm 2016 của Công ty đạt 907.200.407.575 đồng, so với năm 2015 là giảm 49,7%. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 156.078.624.386 đồng, giảm 53,68% so với năm 2015.


Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2017


Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng




Vũ Văn Cảnh
Giám đốc